

## WEEK 12

## UNIT 4: ( cont. )

## Lesson: LISTEN &amp; WRITE

**\* VOCABULARY:**

1. award	(v, n) /ə'wɔ:d/	thưởng, phần thưởng
2. scholarship	(n) /'skɒləʃɪp/	học bổng
3. dormitory	(n) /'dɔ:mətəri/	ký túc xá
4. campus	(n) /'kæmpəs/	khuôn viên trường
5. reputation	(n) /,repju'teɪʃn/	danh tiếng
6. experience	(n, v) /ɪk'spɪəriəns/	kinh nghiệm, trải qua
7. scenery	(n) /'si:nəri/	phong cảnh, cảnh vật
8. national	(a) /'næʃnəl/	thuộc về quốc gia
9. nation	(n) /'neɪʃn/	quốc gia, đất nước
10. national bank	(n)	ngân hàng nhà nước
11. improve	(v) /ɪm'pru:v/	cải tiến
12. improvement	(n) /ɪm'pru:vmənt/	sự cải tiến, sự cải thiện
13. intermediate	(a) /,ɪntə'mi:diət/	trung cấp
14. well-qualified	(a)	có trình độ cao
15. tuition = fee	(n) /tju'ɪʃn/	học phí
16. academy	(n) /ə'kædəmi/	học viện
17. advertisement = ad	(n) /əd'vɜ:tɪsmənt/	bài quảng cáo
18. advertise	(v) /'ædvətaɪz/	quảng cáo
19. edition	(n) /ɪ'dɪʃn/	lần xuất bản
20. look forward to + V-ing		mong đợi

**\* LISTEN:**

Nga is talking to Kate about her studying English. Listen to their conversation. Check (v) the boxes and correct the false sentences.

a) - True

b) - True

c) - False => She works for an international bank in Ha Noi.

d) - True

e) - False => Her listening is terrible.

f) - True

\* **WRITE:**

*A letter of inquiry is a request for information or action*

a) *Read this letter*

b) Read the advertisements in exercise 5. READ again. Choose one of the schools you want to attend to improve your English. Write a letter of inquiry to the institution requesting far more information about the courses and fees. Follow the Outline below.

Form 1:

Dear Sir,

I saw your institution's advertisement in today's local newspaper.

I am interested in learning English and I would like some more information about your school.

I can speak a little English, but I want to learn to speak more fluently and write well. Could you please send me the details of courses and fees?

I look forward to hearing from you.

Yours sincerely,

Nguyen Chien Thang

Form 2:

Dear Sir,

I saw your institution's advertisement on Today's TV program.

I am very interested in learning English and I would like some more information about your Institute.

I can speak a little English, but I read it very slowly and my writing is bad. So I want to improve my reading and writing. Could you please provide more information about the length of the courses and fees for beginners? I can supply my record of English study if necessary.

I look forward to hearing from you soon.

Yours sincerely,

Nguyen Chien Thang

## WEEK 13

### UNIT 4 ( cont.) Lesson: Language focus

#### I. IF CLAUSE

Type 1: có thể xảy ra ở hiện tại, tương lai

If Clause (hiện tại đơn) S + V- hiện tại đơn	Main Clause (tương lai đơn) S + will/ can/ must/ should + V
<ul style="list-style-type: none"><li>• S + am / is / are</li><li>• S + V / Vs/es</li><li>• S + don't / doesn't + V1</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• S + will / can / may / must + V</li><li>• Mệnh lệnh</li></ul>

Ex:

1. If it **doesn't** rain, we **will** have a picnic.
2. You **must** study hard if you **want** to get good grades.
3. If you **heat** ice, it **turns** to water.
4. Study hard or you will fail the coming exam.  
→ If you .....
5. Practice your English regularly or your English will not improve.  
→ If you .....

#### II. REPORTED SPEECH

+ Muốn đổi một câu trần thuật sang câu gián tiếp, ta phải:

- 1) Dùng động từ giới thiệu **said** hoặc **told**: said (that); told + O + (that)
- 2) Đổi các đại từ nhân xưng, đại từ hoặc tính từ sở hữu sao cho tương ứng với chủ ngữ hoặc Object của mệnh đề chính.
- 3) Đổi thì của động từ thành thì quá khứ tương ứng.
- 4) Đổi một số tính từ chỉ định và trạng từ hoặc cụm từ trạng ngữ chỉ nơi chốn, thời gian.

#### Các dạng câu tường thuật:

##### 1. Statement:

Ex1: Tom said, "I'm a student."

➤ Tom said (that) he was a student.

Ex2: Nga said to her brother, "I can't answer this question."

➤ Nga told her brother (that) she couldn't answer that question.

**S + said (that) + S + Ved2**

**S + told/ said to + S.O (that) + S + Ved2**

##### 2. Yes/ No questions:

Ex: Mary asked me, "Do you want to visit London?"

➤ Mary asked me if/ whether I wanted to visit London.

**S + asked + S.O + if/ whether + S + Ved2**

3. **Wh-questions:** what, where, when, why, how, ect.

Ex: John asked his mother, “Where is my jacket?”

➤ John asked his mother where his jacket was.

**S + asked S.O + WH- question word + S + Ved2**

4. **Commands/requests:**

Ex: Don’t forget to post the letter,” he said to me.

He asked/ told me not to forget to post the letter.

**S + asked/ told + S.O + (not) to V.**

❖ **Note:** *Some changes in reported speech*

<u>Tenses</u>	<u>Adverb Of Time</u>
am, is, are → was, were	tomorrow → the next/ following day
V, Vs,es → V2/ed	yesterday → the day before/ the previous day
don’t / doesn’t V → didn’t V	last night → the night before/ the previous day
am, is, are + V-ing → was / were + V-ing was/ were + V-ing → had been + V-ing	the day before yesterday → two days before
have / has + PP → had + V-ed/3	next → the following
V2/ed → had + V-ed/3 Didn’t V1 → had not + V-ed/3	ago → before
will → would shall → should	now → then
can → could may → might	today → that day
have to/ has to/ must → had to	tonight → that night

**Adverb Of Place**

this → that	these → those	here → there
-------------	---------------	--------------

Ex: Chi said, “I will go to Hue tomorrow.”

➤ Miss Chi said she would go to Hue the next day.